TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KẾ SÁCH** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **02**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 03/01/2023
V/v Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Linh Đa.

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Sơn.

2. Bà Tăng Thị Bạch Vân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vinh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách tham gia phiên tòa: Ông Dương Thanh Hậu – Kiểm sát viên.

Ngày 03/01/2023, tại phòng xử án thuộc trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 319/2022/TLST–HNGĐ ngày 14/10/2022 về việc "Tranh chấp Hôn nhân và gia đình", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 367/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 21/11/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 285/2022/QĐST-HNGĐ ngày 09/12/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Đinh Thị Mỹ X**, sinh năm 1991 (vắng mặt).

- Bị đơn: Ông **Bùi Duy T**, sinh năm 1988 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã K, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn, qua xem xét lời khai và yêu cầu của các đương sự, qua xét hỏi trước tòa, nội dung vụ án được xác định như sau:

Theo đơn khởi kiện ngày 22/8/2022, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Đinh Thị Mỹ X trình bày: Vào năm 2011, bà X và ông T tự nguyện cưới nhau, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống vợ chồng có hai con chung tên Bùi Duy Thảo N, sinh ngày 18/8/2012 và Bùi Duy T2, sinh ngày 18/8/2012, hiện nay đang sống chung với bà X.

Thời gian đầu vợ chồng sống rất hạnh phúc nhưng thời gian sau này thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vả. Nhận thấy

vợ chồng không còn duyên nợ, hôn nhân không tồn tại được nên bà X yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng giải quyết những vấn đề sau:

- Về hôn nhân: Bà X yêu cầu ly hôn với ông Bùi Duy T.

- Về con chung: Bà X yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Bùi Duy T: Từ khi Tòa án thụ lý giải quyết cho đến nay, ông T không tham gia tố tụng nên Tòa án không thể thu thập được lời khai và yêu cầu của ông T.

Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn không tham gia tố tụng nên các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách phát biểu ý kiến:

Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 như thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định tư cách đương sự, quan hệ tranh chấp, thu thập chứng cứ. Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật. Riêng bị đơn không chấp hành nghiêm theo Giấy triệu tập của Tòa án.

Về nội dung giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Đinh Thị Mỹ X và ông Bùi Duy T kết hôn năm 2011 trên tinh thần tự nguyện và được UBND xã Đ, huyện B, tỉnh Thanh Hóa cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 10/11/2011 nên quan hệ hôn nhân giữa bà X và ông T là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình sống chung sống, vợ chồng không hạnh phúc. Nay bà X kiên quyết ly hôn là quyền tự định đoạt của bà X theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, yêu cầu ly hôn của bà X là có sơ sở chấp nhận.

Về con chung: Các cháu Bùi Duy Thảo N, sinh ngày 18/8/2012 và Bùi Duy T2, sinh ngày 18/8/2012 hiện sống ổn định với mẹ là bà X. Ông T không tham gia tố tụng để có ý kiến về quyền nuôi con chung. Do đó, cần giao hai cháu N và Tiến cho bà X nuôi dưỡng là đảm bảo quyền lợi về mọi mặt và theo nguyện vọng của các cháu, phù hợp với Luật Hôn nhân và gia đình. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông T, không ai được ngăn cản theo quy định tại Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông T không phải cấp dưỡng nuôi con chung do bà X tự nguyện không yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của

Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn,

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Xét thấy tại phiên tòa, nguyên đơn bà Đinh Thị Mỹ X vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; bị đơn ông Bùi Duy T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà X và ông T chung sống với nhau trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên được pháp luật công nhận hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, bà X và ông T phát sinh nhiều mâu thuẫn. Hội đồng xét xử thấy rằng, quan hệ hôn nhân phải được xây dựng trên cơ sở tự nguyện của hai bên, bà X và ông T có hôn nhân không hạnh phúc. Ông T cũng không đến Tòa tham gia tố tụng, không tham gia hòa giải nên chưa có thiện chí hàn gắn, mục đích hôn nhân không thể đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà X.

[2.2] Về con chung: Bà X và ông T có 02 con chung tên Bùi Duy Thảo N, sinh ngày 18/8/2012 và Bùi Duy T2, sinh ngày 18/8/2012, hiện nay đang sống chung với bà X. Xét thấy, các cháu N và Tiến sống với bà X có cuộc sống tốt, các cháu có nguyện vọng được tiếp tục sống với mẹ, ông T cũng không thể hiện sự phản đối. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con chung, Hội đồng xét xử cần ổn định môi trường sống của các cháu. Căn cứ các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử cần giao cháu N và cháu T2 cho bà X trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông T không ai được quyền ngăn cản.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông T không phải cấp dưỡng nuôi con chung do bà X không yêu cầu.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát: Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách như đã phân tích trên.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị

quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227, 228, 238; Điều 271, 273; Điều 278, Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

TUYÊN XỬ:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đinh Thị Mỹ X.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Đinh Thị Mỹ X được ly hôn với ông Bùi Duy T.

1.2. Về con chung: Giao các cháu Bùi Duy Thảo N, sinh ngày 18/8/2012 và Bùi Duy T2, sinh ngày 18/8/2012 cho bà Đinh Thị Mỹ X trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu N và cháu T2 đủ 18 tuổi.

Ông Bùi Duy T được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cản.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận việc bà Đinh Thị Mỹ X không yêu cầu ông Bùi Duy T cấp dưỡng nuôi con.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng, bà Đinh Thị Mỹ X phải chịu là 300.000 đồng, được khấu trừ vào Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004718 ngày 05/10/2022 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng đã thu.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đối với người vắng mặt được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật, để Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xử phúc thẩm.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a ,7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- Chi cục THADS huyện Kế Sách;
- UBND xã Đ, huyện B, tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Linh Đa